TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST Ngày 27-9-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Thành

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1977, nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú: số 77, tổ 7, ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Nhà trọ bà VTKT, số 181, ấp TP, xã Đồi A, huyện TB, tỉnh Đồng Nai;

2. Bị đơn: anh Trần Thanh Q, sinh năm: 1975, nghề nghiệp: đầu bếp; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 77, tổ 7, ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc H trình bày: trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chị và anh Q đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào năm 1995; đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Trong quá trình chung sống do anh Q thường cờ bạc, rượu chè và hay chửi bới, đánh đập vợ con nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; năm 2017 chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút yêu cầu nên Tòa án đã đình chỉ vụ án, tuy nhiên do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Q.

Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 03 người con chung gồm các cháu Trần Thị Ngọc N, sinh ngày: 07/6/1995, Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày: 30/9/1996, và Trần Nguyễn Quang M, sinh ngày: 27/02/2002; hiện nay 02 cháu N và Á đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu gì, riêng cháu M chưa đủ 18 tuổi, đang học lớp 12, từ khi vợ chồng ly thân cháu M sống cùng anh Q nên chị yêu cầu tiếp tục giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn (Trần Thanh Q) được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh Q đối với yêu cầu khởi kiện của chị H trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) và quy định tại các điều 89, 92, 93 và 94 của Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh Q; giao cháu M chưa thành niên cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng; tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do không có ai yêu cầu; về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị H là nguyên đơn, anh Q là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (chị Nguyễn Ngọc H) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Trần Thanh Q) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Thanh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 30/3/1995, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy: theo chị H, do anh Q cờ bạc, rượu chè, hay chửi bới, đánh đập vợ con làm cho cuộc sống không hạnh phúc; vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2017 chị đã nộp đơn ly hôn 01 lần, sau đó rút yêu cầu và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng vợ chồng không tiếp tục chung sống mà ly thân cho đến nay; ngoài ra, khi biết chị đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn thì anh Q không hề quan tâm, níu kéo mà còn trả lời với chị là muốn làm gì thì làm, sẽ không ra Tòa làm việc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Q đến làm việc nhưng anh Q cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến, nguyện vọng của mình; lời khai cháu M (là con chung của vợ chồng) thể hiện: hiện tại chị H và anh Q không còn chung sống với nhau, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, tiền bạc trong gia đình làm cho vợ chồng cãi nhau, từ khi vợ chồng ly thân cháu M sống với anh Q và cháu mong muốn tiếp tục ở cùng với cha mình; theo biên bản xác minh ngày 11/6/2019 do Công an xã X cung cấp cũng đã thể hiện: anh Q hiện tại sống cùng cháu M tại số 77/7, ấp 1, xã X và chỉ có 02 cha con sống với nhau, anh Q làm đầu bếp cho Vincom tại LT, sáng đi làm sớm, tối mới về nhà, còn việc mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì địa phương không rõ. Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên cho thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: theo chị H thì vợ chồng có 03 con chung, trong đó 02 cháu lớn đã trưởng thành, còn lại cháu Trần Nguyễn Quang M chưa đủ 18 tuổi và từ khi vợ chồng ly thân cháu M sống cùng với anh Q nên chị yêu cầu tiếp tục giao cháu M cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; xét thấy: hiện tại cháu M do anh Q đang trực tiếp chăm sóc và cháu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với cha. Do anh Q không có văn bản yêu cầu hay phản đối gì nên HĐXX giao cháu M cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Q không yêu cầu nên tạm thời chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 131 của Luật HN&GĐ và các điều 89, 92, 93, 94 của Luật HN&GĐ năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn anh Trần Thanh Q.

2. Về con chung: giao cháu Trần Nguyễn Quang M, sinh ngày: 27/02/2002 cho anh Trần Thanh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 004861 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam